Chi tiết mã HS 2201.10.20

Mã HS	2201.10.20
Mô tả hàng hóa	Nước, kể cả nước khoáng tự nhiên hoặc nhân tạo và nước có ga, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác hoặc hương liệu; nước đá và tuyết / - Nước khoáng và nước có ga: / - - Nước có ga
Đơn vị	lít/kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 19:15:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/22011020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	52.5	52,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2745
Thuế NK ưu đãi (MFN)	35	35%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2745
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2745
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	24.5	24,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2722
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2683
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2683
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2683
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2683
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2683
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2683
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2721
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2721
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2721
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2721
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2721
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2723
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2723
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2723
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2723
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2723
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2723
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2725
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2689
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2685
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2685
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2685
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2685
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2685
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2685
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2685
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2685
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2685
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2685
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2685
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2685
VCFTA	2022	2022	8	VC!D2732
VCFTA	2023	2023	4	VC!E2732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2732
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2732
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2732
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2732
VN-EAEU	2022	2022	9,5	EAV!D2729
VN-EAEU	2023	2023	6,4	EAV!E2729
VN-EAEU	2024	2024	3,2	EAV!F2729
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2729
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2729
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2729
AHKFTA	2022	2022	21	AKH!D2737
AHKFTA	2023	2023	14	AKH!E2737
AHKFTA	2024	2024	14	AKH!F2737
AHKFTA	2025	2025	7	AKH!G2737
AHKFTA	2026	2026	7	AKH!H2737
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2737
EVFTA	2022	2022	21,8	EV-NK!D2708
EVFTA	2023	2023	17,5	EV-NK!E2708
EVFTA	2024	2024	13,1	EV-NK!F2708
EVFTA	2025	2025	8,7	EV-NK!G2708
EVFTA	2026	2026	4,3	EV-NK!H2708
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2708
UKVFTA	2022	2022	21,8	UKV!D2710
UKVFTA	2023	2023	17,5	UKV!E2710
UKVFTA	2024	2024	13,1	UKV!F2710
UKVFTA	2025	2025	8,7	UKV!G2710

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	4,3	UKV!H2710
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2710
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	20	CPTPP!D2704
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	15	CPTPP!E2704
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	10	CPTPP!F2704
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	5	CPTPP!G2704
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2704
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2704
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2704
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2727
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2727
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2727
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2727
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2727
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2727
RCEP B	2022	2022	0	B!D2727
RCEP B	2023	2023	0	B!E2727
RCEP B	2024	2024	0	B!F2727
RCEP B	2025	2025	0	B!G2727
RCEP B	2026	2026	0	B!H2727
RCEP B	2027	2027	0	B!I2727
RCEP C	2022	2022	0	C!D2727
RCEP C	2023	2023	0	C!E2727
RCEP C	2024	2024	0	C!F2727
RCEP C	2025	2025	0	C!G2727
RCEP C	2026	2026	0	C!H2727

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2727
RCEP D	2022	2022	0	D!D2727
RCEP D	2023	2023	0	D!E2727
RCEP D	2024	2024	0	D!F2727
RCEP D	2025	2025	0	D!G2727
RCEP D	2026	2026	0	D!H2727
RCEP D	2027	2027	0	D!I2727
RCEP E	2022	2022	0	E!D2730
RCEP E	2023	2023	0	E!E2730
RCEP E	2024	2024	0	E!F2730
RCEP E	2025	2025	0	E!G2730
RCEP E	2026	2026	0	E!H2730
RCEP E	2027	2027	0	E!I2730
RCEP F	2022	2022	0	F!D2727
RCEP F	2023	2023	0	F!E2727
RCEP F	2024	2024	0	F!F2727
RCEP F	2025	2025	0	F!G2727
RCEP F	2026	2026	0	F!H2727
RCEP F	2027	2027	0	F!I2727
VIFTA	2024	2024	31.5	VI!F2547
VIFTA	2025	2025	28	VI!G2547
VIFTA	2026	2026	24.5	VI!H2547
VIFTA	2027	2027	21	VI!I2547

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2201.10 có 2 dòng thuế; dòng 2201.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Nước có ga.	2201.10 Nước khoáng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2201.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 35% của mã 2201.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2745), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.